TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2018.
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN LÂU**
2. Bà **ĐOÀN THỊ THOA**

* Thư ký phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 610/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/8/2018 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

(Chị T có mặt, anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:

Do quen biết và có tìm hiểu nhau trước chị và anh L tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2014. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh Lực thường hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, cờ bạc, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi, anh chị thường xuyên cãi nhau làm cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Về con chung có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016 hiện do chị nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do cuộc sống chung không hạnh phúc chị yêu cầu được ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

* Theo tờ tự khai ngày 12 tháng 9 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Tấn L thống nhất lời trình bày của chị T về quá trình tiến đến hôn nhân về con chung, tài sản chung và nợ chung nhưng theo anh L thì anh và chị T không có mâu thuẫn gì. Anh và chị T ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì còn thương vợ, con. Nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi con là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật để triệu tập anh L đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L; yêu cầu được con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có.

- Anh L: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Tấn L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"tranh chấp ly hôn"* theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân gia đình. Và căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

- Anh Nguyễn Tấn L là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh đã vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T.

- Chị T xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, anh L thường hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, cờ bạc, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi, anh chị thường xuyên cãi nhau làm cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay.

- Theo tờ tự khai ngày 12 tháng 9 năm 2018 của anh L, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con nhưng anh L vẫn không có biện pháp nào thể hiện khả năng đoàn tụ của anh chị. Mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần như anh L bỏ mặc không tham gia các phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ để cung cấp tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày của anh và tham gia hòa giải để thể hiện nguyện vọng của anh là muốn duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị. Do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của chị T và anh L là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016, hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung. Anh L cũng có ý kiến yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Ngọc T chưa đủ 36 tháng tuổi và từ khi chị T và anh L ly thân đến nay do chị T nuôi dưỡng cháu T, chị T hiện có công việc ổn định. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của cháu nên cần tiếp tục giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016 cho chị T nuôi dưỡng. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Tuyền đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09161 ngày 20/8/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU